

Phong trào tẩy chay Hoa kiều ở Việt Nam năm 1919

Đặng Thị Vân Chi



15 — Rue de Canton à CHOLON

Phố cổ người Hoa ở Chợ Lớn đầu thế kỷ XX

Đặt vấn đề

Từ trước tới nay, Phong trào tẩy chay Hoa kiều năm 1919 được nhắc đến như là một trong những phản ứng của tầng lớp tư sản Việt Nam đối với tư sản Hoa kiều. Vì nhiều lý do, chủ quan, cũng như khách quan, phong trào này chưa được giới sử học Việt Nam quan tâm đi sâu nghiên cứu. Cũng chính vì vậy, những thông tin và tư liệu về phong trào này trong các sách lịch sử rất mờ nhạt. Cho đến thời điểm này, chúng tôi chưa tìm thấy bất cứ một bài nghiên cứu nào ở trong nước

khả dĩ đưa ra những thông tin đủ để hình dung một cách rõ ràng nhất về phong trào này. Còn các học giả phương Tây tuy đặt nó trong tầm nhìn của mối quan hệ thuộc địa có tính toàn cầu, nhưng cũng không đề cập một cách chi tiết. Christopher E. Goscha trong bài *Tái cấu trúc các mối quan hệ thời kỳ thuộc địa: Quan hệ liên Á ở Đông Dương thuộc Pháp giai đoạn giữa 2 cuộc thế chiến*⁽¹⁾ đã chọn sự kiện tẩy chay Hoa kiều ở Việt Nam năm 1919 như minh chứng cho nhận định “những mâu thuẫn trong thời kỳ thực

dân đã tạo động lực hình thành một mạng lưới quan hệ liên Á hoàn toàn mới giữa các nước thuộc địa. Chính điều đó đã tác động trực tiếp đến tính chất của “quan hệ thuộc địa” lúc bấy giờ và sự hình thành các quốc gia hậu thuộc địa sau kể từ năm 1945”. Từ phong trào tẩy chay Hoa kiều, Christopher E. Goscha cho rằng “chính người Hoa – chứ không phải thực dân Pháp – đã trở thành một động lực quan trọng kích thích chủ nghĩa dân tộc đối với các nhà tư sản Việt Nam hay ít nhất cũng là một yếu tố ngoại lai cần thiết.

Những nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam không chỉ quyết tâm đối đầu với người Hoa trên mặt trận kinh tế, mà họ còn nhất trí rằng nếu muốn thành công phải tự thay đổi chính mình” (Christopher, 2009, tr.1).

Với mong muốn có thể lấp dần những khoảng trống trong lịch sử Việt Nam, chúng tôi quyết định tìm lại trong tư liệu báo chí đương thời, một kênh thông tin quan trọng khả dĩ có thể dựng lại diễn biến của phong trào, đặt nó trong chuỗi các hoạt động của tư sản Việt Nam, với mong muốn có thể làm rõ thêm về vai trò và vị trí của tầng lớp tư sản Việt Nam trong lịch sử cũng như đưa đến những góc nhìn đa chiều về lịch sử cận đại Việt Nam.

1. Bối cảnh chung

Đầu thế kỷ XX, đặc biệt từ sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất, do tác động của cuộc khai thác thuộc địa của Pháp lần thứ nhất (từ 1897 đến 1914), và nhu cầu phục vụ chiến tranh, tầng lớp tư sản Việt Nam ngày càng trở thành một lực lượng kinh tế quan trọng trong xã hội Việt Nam. Sự phát triển của tư sản Việt Nam thời kỳ này là kết quả của các chính sách kinh tế của Pháp đối với thuộc địa trong điều kiện Pháp là một nước tham chiến và nhờ cuộc vận động của các sĩ phu yêu nước trong phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX. Mặc dù, tầng lớp tư sản Việt Nam đã tham gia kinh doanh trong hầu hết các ngành nghề: từ xay xát, dệt, nhuộm, sửa chữa cơ khí, vận tải thủy, sản xuất sơn, xà phòng, đồ gốm, nước mắm, đường, dầu ăn... kể cả in ấn... và cũng có nhiều nhà tư sản kinh doanh lớn, cạnh tranh với cả tư sản Hoa kiều và tư sản Pháp như Bạch Thái Bưởi⁽²⁾, Nguyễn Sơn Hà⁽³⁾, Trương Văn Bền⁽⁴⁾, Lê Phát Vĩnh⁽⁵⁾, Nguyễn Hữu Thu⁽⁶⁾... nhưng cho đến cuối thập niên 1920, tầng lớp tư sản Việt

Nam mới chỉ chiếm 1% dân số với khoảng 20.000 người với tổng số vốn chỉ bằng khoảng 5% số vốn của tư bản Pháp (Đình Xuân Lâm, 2012, tr.304).

Để nâng cao địa vị của mình trên thương trường, tư sản Việt Nam bắt đầu có ý thức tập hợp nhau trong những tổ chức có thể giúp đỡ nhau trong kinh doanh như Nam kỳ Thương mại Kỹ nghệ Xã hội thành lập



Bạch Thái Bưởi (1874 - 1932)

năm 1918... Sự vươn lên của giới doanh nhân trong những năm trong và sau Chiến tranh Thế giới I đã vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nhân và doanh nghiệp Hoa kiều, một cộng đồng dân cư có một lịch di trú lâu dài và phức tạp ở Việt Nam.

Lịch sử di dân của người Hoa cho thấy, người Hoa đến Việt Nam qua nhiều đợt, có những nhóm đến từ thời Bắc thuộc (từ thế kỷ I đến thế kỷ X), những nhóm này chủ yếu ở khu vực miền Bắc, lâu dần đã trở thành một bộ phận của cộng đồng quốc gia Việt Nam, cũng có nhóm đến Việt Nam trong khoảng vài trăm năm trở lại đây. Cho đến trước khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, người Hoa đã có vai trò quan trọng trong hoạt động thương nghiệp ở Việt Nam, đặc biệt ở Nam kỳ⁽⁷⁾.

Trong bối cảnh khu vực cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi Trung Quốc bị xâu xé bởi các cường quốc tư bản lớn như Anh, Pháp, Mỹ,... làn sóng di dân của người Trung Hoa càng mở rộng. Ở Việt Nam, rất nhiều lớp người Hoa đã đến làm ăn trong thời kỳ này.

Toàn Bắc kỳ năm 1887 có 7.467 người Hoa (Charles Fourniau, 1991, tr.68) và người Hoa ở Bắc kỳ “phần lớn là thương nhân đến cư trú ở vùng đồng bằng” (Charles Fourniau, 1991, tr.69).

Ở Nam kỳ, trong các năm từ 1912 đến 1922, có 158.048 người Trung Hoa trên 17 tuổi đến Việt Nam làm việc và sinh sống, trung bình mỗi năm là 14.368 người nhập cảnh qua cảng Sài Gòn trên các chuyến tàu đến từ Thượng Hải và Hương Cảng (Đào Trinh Nhất, 1924, tr.19).

Trong cuốn *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam* kỳ xuất bản năm 1924, Đào Trinh Nhất đã mô tả về hoạt động kinh tế của người Hoa ở Nam kỳ như sau:

“Có vào đến xứ Nam kỳ mới biết người Tàu ở trong xứ mình là đông, mà cơ sở của họ là lớn. Bước lên thành phố Sài Gòn, đi quanh những phố chợ Mới, chợ Cũ là những phố rộng lớn và rộn rịp bằng mấy Hàng Ngang, Hàng Buồm ở ngoài mình, đã thấy lúc nhúc những các chú, tính phỏng chừng cũng đến ba, bốn vạn người rồi, tuy vậy cũng còn là ít. Đi gần 6km nữa vào đến Chợ Lớn (người Tàu gọi là Đề Ngạn) là một thành phố các Chú cả, chưa kể đến nội dung thế nào, nhưng mới trông bề ngoài đủ khiến cho mình phải ghê sợ, xa xa đã trông thấy ống khói nhà máy nọ, nhà máy kia, tua tua lên ngang gò như hàng rào, nào tàu bè, ghe, nóc đậu chi chít ở mặt nước như mắc lưới đã đủ giật mình về cái cảnh tượng ấy rồi, lại vào đến phố, thì phố xá rộng rãi, nhà

cửa nguy nga... không nhà nào không buôn bán lớn, thời thì lo liệu tiệm lớn các chú, vác gạo, kéo xe các chú, chủ hãng, chủ nhà máy các chú, mà cho đến vót đũa đan rổ rá, gánh nước bán quả cũng các chú, nói tóm lại, việc gì làm mà nảy ra to từng hàng vạn, nhỏ đến đồng xu thì cũng mấy chú “thiên triều” làm hết. Thành phố Chợ Lớn đất rộng hơn nghìn mẫu thì các chú ở quá ba phần tư, dân số 13 vạn người thì phần các chú già một nửa (7 vạn người ở trên bộ và 1 vạn người ở dưới nước... Còn như số người các chú rải rác ra làm ăn buôn bán ở lục tỉnh thì cũng đông hết sức...” (Đào Trinh Nhất, 1924, tr.17, 18).

Ngoài ra, Đào Trinh Nhất cũng mô tả kỹ về thế lực tài chính của Hoa kiều ở Nam kỳ. những vua tiền bạc, vua nhà cửa như Hoàng Trọng Tân, Tạ Mã Điền... phát lên nhờ bất động sản... và nhờ “thế lực kim tiền” này mà các tư sản người Hoa có thể lũng đoạn nền kinh tế. “Họ vốn sẵn có cái trí xem xét lợi hại rất sáng suốt, cho nên họ thấy có có việc lợi cho họ, mà tài tranh không lại, sức tranh không lại thì vận động ngay bằng kim tiền. Việc của cá nhân thì vận động bằng kim tiền cá nhân, việc của đoàn thể thì vận động bằng kim tiền của đoàn thể. Họ biết rằng việc làm có lợi cho mình thì không gì bằng quảng tiền ra mà vận động, vận động hết mấy cũng không tiếc gì vì họ lại biết rằng, mất đi ít mà thu lại nhiều vậy!” (Đào Trinh Nhất, 1924, tr.32).

Cho đến đầu thế kỷ XX, thì người Hoa đã có mặt khá đông đảo ở Việt Nam và chủ yếu tập trung trong các thành phố lớn.

2. Cuộc vận động dư luận trên báo chí

Sự phát triển của tư sản Việt Nam sau Chiến tranh thế giới I đã vấp phải sự cạnh tranh của tư sản Hoa kiều.

Bạch Thái Bưởi là một ví dụ điển hình về cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường của tư sản Việt Nam với tư sản Hoa kiều. Báo *Nam Phong* đã mô tả sự việc này như sau: “Năm 1909, Bạch Thái Bưởi thuê ba cái tàu Phi Phượng (Phenix), Phi Long (Dragon) và Khoái tử Long (Fai-tsi- Long) của A.R. Marty là 1 chủ hãng tàu chuyên chạy thư tín cho chính phủ Pháp khi hết hạn hợp đồng với chính phủ Pháp) để chạy tuyến Nam Định - Hà Nội; Nam Định - Bến Thủy là hai tuyến đường quan trọng mà Khách vẫn độc quyền từ trước đến lúc đó.

Một cuộc cạnh tranh khốc

mới có thể cạnh tranh với người Khách được. Những lời khuyến khích ấy xem ra nhiều người cảm, khách đi tàu ông mỗi ngày nhiều hơn... dần dần hành khách bỏ các tàu Khách mà đi tàu ông” (Thượng Chi, 1919 B, tr.383).

Lo ngại trước các thế lực kinh tế của người Hoa, tư sản Việt Nam bắt đầu lên tiếng. Báo chí bắt đầu đăng nhiều bài cảnh tỉnh về mối đe dọa của người Hoa trong các hoạt động kinh tế của người Việt... Trong ngôn ngữ hàng ngày, cũng như trên báo chí, người Hoa được gọi bằng những từ như Chệc, người Khách, Khách trú,... với ý thiếu thiện cảm.

Thành phố	Dân số (Người)	Người Hoa (Người)
Hà Nội	90.303	3.377 (825 người Minh Hương)
Hải Phòng	50.902	8.991
Sài Gòn	65.000	22.079 (677 người Minh Hương)
Chợ Lớn	191.630	75.000 (4.872 người Minh Hương)

Số người Hoa ở các thành phố lớn của Việt Nam vào năm 1919 (Phạm Quỳnh, 1918, tr.271). Thực trạng kinh tế cũng như hoạt động thương mại của người Hoa trong những năm đầu thế kỷ XX trở thành mối lo ngại đối với tầng lớp tư sản Việt Nam

liệt đã diễn ra. “Ông hạ giá một, thời họ hạ giá hai, ông hạ giá hai thời họ hạ giá ba, ông mời khách uống nước, thời họ mời khách ăn bánh ngọt, tranh nhau từng bước mà cố gắng phần hơn thậm chí giá hành khách từ Nam Định đi Hà Nội trước là 0,3\$, 0,4\$ mà rút tới 5 xu, 3 xu; cước đồ hàng thời 1 tấn gạo lấy chỉ bằng giá 1 bì gạo trước”. Cuối cùng để tránh vỡ nợ, Bạch Thái Bưởi đã dùng đến cách vận động nhân tâm, đứng ra “diễn thuyết trên bến, trong tàu kể đường hơn lẽ thiệt trong việc buôn bán cho hành khách nghe, khuyên người mình nên giúp đỡ lẫn nhau thời

Trong chuyến du hành Nam kỳ vào tháng 8-1918, Phạm Quỳnh cũng đã lên tiếng lưu ý về tình hình của người Hoa trong nền kinh tế Việt Nam. “Tỉnh Sa Đéc ở chạy dài hai bên bờ sông coi phồn thịnh đông đúc lắm. Nhưng phố xá buôn bán cũng chỉ thuần là người Khách (Hoa kiều), không có một người An Nam nào. Và không ở một Sa Đéc, tỉnh nào cũng vậy, nơi chợ phố toàn thị là Khách với Chà, lại không những ở các tỉnh thành, đến chốn nhà quê, có ý nhận, phàm nơi nào coi ra hơi có người ở đông đúc, tất có một vài tiệm Chệc (Hoa kiều) bán đồ ăn và đồ tạp hóa...”.



Nhà máy xay lúa Orient, một cơ sở kinh doanh của người Hoa ở tp. Sài Gòn trước 1930

Nhìn vào những hoạt động buôn bán của Hoa kiều trong suốt chuyến đi từ Hà Nội tới Hải Phòng và khắp các tỉnh ở Nam kỳ, Phạm Quỳnh đã phải thốt lên: “Làm đôi guốc gỗ người mình cũng không làm được, thì trách sao không phải chịu cái quyền áp chế trong sự buôn bán của nó? Tôi thường trông thấy Khách gánh nước, Khách bán củi, còn nghề gì nữa là nó không tranh hết của mình?” (Phạm Quỳnh, 1919, tr.135). Để bảo vệ quyền lợi cho giới điền chủ chống lại thế lực của Hoa kiều, từ năm 1912 các nhà điền chủ lớn ở tỉnh Mỹ Tho đã họp nhau lập một hội gọi là “Nông nghiệp tương tế hội” nhằm xây nhà máy xay xát gạo, tự định giá gạo và bán thẳng ra ngoài, không qua môi giới Hoa kiều nữa. Đồng thời họ cũng kêu gọi góp cổ phần để lập “Nông nghiệp ngân hàng” cho các điền chủ vay vốn, gửi thóc để tránh bị ép giá mua rẻ cũng như phải đi vay nợ lãi của các hiệu cầm đồ và cho vay nặng lãi của người Hoa. Tuy nhiên, mặc dù việc cổ động, tuyên truyền được chú ý như cho in thành sách

bài diễn thuyết của ông Trần Nguyên Lượng, phó chủ tịch Hội Nông Nghiệp tương tế ở Mỹ Tho kêu gọi lập các *Hội nông nghiệp tương tế* để phổ biến... kế hoạch này cũng không thành hiện thực vì chưa được chuẩn bị đầy đủ... Phạm Quỳnh cũng cho biết: “Hiện nay trong Lục tỉnh mới nhóm lên cái phong trào phản đối Khách. Cái phong trào ấy rất là chánh đáng lắm. Nhưng phần nhiều là phản đối ở lời nói cả, chưa từng thấy thi thố ra việc làm. Không kể có lắm lúc phản đối sai lầm, cái nên phản đối thì không phản đối, mà phản đối cái không cần phản đối. Có kẻ tạo sự ghét người Tàu mà chỉ ghét riêng 1 thứ chữ Tàu là cái văn tự cổ không có quan hệ gì đến việc cạnh tranh về đường buôn bán cả. Thiết tưởng cái cách phản đối ấy chưa đủ cướp lại được lợi quyền ở tay bọn Chệt vậy” (Phạm Quỳnh, 1919, tr.139).

Từ năm 1918, trên các trang báo tiếng Việt bắt đầu xuất hiện những bài phân tích về “thế lực của người Trung Hoa” trong nền kinh tế Đông Dương

và bên cạnh việc kêu gọi người Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động công thương nghiệp, các bài viết bắt đầu chỉ trích người Hoa là những người “sang ăn gửi nằm nhờ” nhưng đã chiếm hầu hết những mối lợi về kinh tế của người Việt. Việc phát triển kinh tế công thương nghiệp phải được coi là “sinh tử vấn đề” (Thượng Chi, 1919 A, tr.228) đối với tương lai của dân tộc. Sự cố gắng vươn lên của tư sản Việt Nam trong điều kiện Việt Nam là một nước thuộc địa thì mục tiêu đầu tiên của họ là tranh lại mối lợi trong thương trường từ tay tư sản Hoa kiều. ■
(Xem tiếp kỳ sau)

CHÚ THÍCH:

1. Bài viết này do tác giả gửi cho talawas, tóm tắt lại nội dung chính của tiểu luận nghiên cứu, “Widening the Colonial Encounter: Asian Connections Inside French Indochina During the Interwar Period”, đăng trên *Modern Asian Studies*, Vol, No.05, September 2009.

2. Bạch Thái Bưởi, kinh doanh ngành vận tải thủy, vào thập niên 1920, ông đã có khoảng 40 tàu và sà lan chạy hầu hết các tuyến đường sông ở Bắc kỳ, chạy đường ven biển, thậm chí đội tàu thuyền của ông còn vươn tới các nước trong khu vực như Hongkong, Trung Quốc, Philippines, Singapor... Công ty của ông có khoảng 1.400 nhân viên, và có đại lý ở nhiều tỉnh thành. Ông là nhà tư sản phải cạnh tranh với tư sản người Hoa gay gắt nhất.

3. Nguyễn Sơn Hà là chủ hãng Sơn Résistanco ở Hải Phòng, hãng sơn của ông đã đánh bại các hãng sơn của Pháp và làm chủ thị trường sơn ở Việt Nam.

4. Bài “Thực nghiệp Nam kỳ” tại hội chợ đăng trên *Thực nghiệp dân báo* ngày 9-12-1920 giới thiệu: “Dầu dừa để sản xuất xà phòng của Trương Văn Bến không khác gì dầu Pháp. Trong mười mấy năm từ vốn liếng ban

đầu là 3.000 bạc, nay tăng lên 15 vạn bạc. Nhà máy của ông có tới 4 bộ máy ép có công suất 5 tấn/24 giờ, có 2 cối bóc lạc và vừng... với khoảng 100 công nhân”.

5. Lê Phát Vinh có xưởng dệt ở Cầu Kho (Sài Gòn) chuyên dệt các loại the, lụa, sa tanh, ngoài, xưởng dệt có khoảng 100 công nhân làm việc ông còn có nhà nuôi tằm, ươm tơ phục vụ cho sản xuất...

6. Nguyễn Hữu Thu sở hữu hàng chục chiếc tàu và sà lan có chiếc có trọng tải 615 tấn; còn loại 250 tấn, 140 tấn thì có gần chục chiếc chủ yếu để chạy các tuyến đường từ Hải Phòng đi Nam Hải, Bắc Hải, Hongkong, Nam Định, Hải Dương, Hòn Gai, Bến Thủy,...

7. Dù nhiều người đã kết hôn với người Việt và ở Việt Nam lâu đời, nhưng họ vẫn giữ tiếng nói, phong tục tập quán riêng của họ và tạo thành một cộng đồng cư dân riêng, phân biệt với những người Việt bản địa. Đặc biệt ở Nam kỳ, nhiều nhóm người Hoa đến Việt Nam vào các thế kỷ XVII - XVIII, đã có nhiều đóng góp vào công cuộc mở cõi của các chúa Nguyễn cũng như góp phần vào sự phát triển kinh tế ở khu vực này. Do điều kiện Nam kỳ đất đai rộng, cư dân còn thưa thớt, các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn đã có chính sách coi những người Hoa này là những người Minh Hương (gồm cả những người lai bố Hoa, mẹ Việt) thuộc cộng đồng cư dân Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. “Bao giờ An Nam ta mới thoát nổi đem vàng đi đổ sông Ngô”, *Thực nghiệp dân báo* số 7 ngày 31-7-1920.

2. Nguyễn Công Bình, (1959). *Tìm hiểu về Giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc*, Văn sử địa, Hà Nội.

3. “Cái nhược điểm ở thực nghiệp nước ta”, *Thực nghiệp dân báo* ngày 10-11-1925.

4. Thượng Chi (1919 A) “Bàn về việc tranh thương với người Khách - Bắc kỳ nên lập một Thương hội

lớn”, *Nam Phong tạp chí*, tập 27, tháng 9-1919.

5. Thượng Chi (1919, B) “Chấn chỉnh thương trường - Một cái gương cho báo giới nước ta - Ông Bạch Thái Bưởi”, *Nam Phong tạp chí* tập 29-11-1919.

6. Charles Fourniau, (1991) “Người Hoa ở Bắc kỳ trước Chiến tranh thế giới I”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2.

7. Christopher E. Goscha (2009), “Widening the Colonial Encounter: AsianConnections Inside French Indochina During the Interwar Period”, *Modern Asian Studies*, Vol., No.05, September (Đông Hiếu dịch trên Talawas số mùa Thu 2009).

8. Chương trình của bản báo, *Thực nghiệp dân báo*, số 1 ngày 8-7-1920.

9. *Công Luận* ngày 5-8-1919.

10. *Công Luận* ngày 12-8-1919.

11. *Công Luận* ngày 14-8-1919.

12. “Công việc hội Bắc kỳ công thương đồng nghiệp”, *Hữu Thanh tạp chí* số 12 ngày 15-1-1922.

13. Mai Đăng Đệ “Công kích nhau hoài” *Thực nghiệp dân báo* ngày 6-4-1921.

14. Trần Văn Giàu (1961), *Giai cấp công nhân Việt Nam, sự hình thành và sự phát triển của nó từ giai cấp cho mình đến giai cấp tự mình*, (tái bản lần thứ ba có sửa chữa), Nxb. Sự Thật, Hà Nội.

15. “Khách trú khi ta” trên báo *Lục tỉnh Tân văn* số 658 ngày 11-8-1919.

16. “Khách trú thị nhục ta, đồng bang mau thức dậy”, báo *Lục tỉnh tân văn* ngày 13-8-1919.

17. *Khai hóa nhật báo*, số 1 ngày 15-7-1921.

18. “Làm thế nào cho sinh kế của dân được thư thái”, *Khai Hóa nhật báo*, số 961 ngày 3-10-1924

19. Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (2012) *Lịch sử Việt Nam* tập 3, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.

20. Lời diễn thuyết của ông Nguyễn Chánh Sắt đọc ở kỳ hội đồng Hội An Nam thương cuộc công ty” ngày 30-8-1919, *Nam Phong tạp chí* số 27 tháng 9-1919.

21. *Lục tỉnh Tân văn* ngày 5-8-1919.

22. *Lục tỉnh tân văn* số 658 ngày 11-8-1919.

23. *Lục tỉnh tân văn* ngày 13-8-1919.

24. *Lục tỉnh tân văn* ngày 18-8-1919.

25. *Lục tỉnh tân văn* ngày 22-9-1919.

26. *Nam Phong tạp chí* số 17 tháng 11-1918.

27. *Nam Phong tạp chí* số 18, tháng 12-1918.

28. *Nam Phong tạp chí* số 27 tháng 9-1919.

29. *Nam Phong tạp chí* số 30 tháng 12-1919.

30. Đào Trinh Nhất, (1924) *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam kỳ*, Nhà in Thụy Ký, Hà Nội.

31. “Người Nam buôn hàng Bắc đối với Hoa kiều”, *Thực nghiệp dân báo* ngày 24-7-1922.

32. *Nông cổ Min đàm* tháng 9-1919.

33. “Nông nghiệp ngân hàng” *Khai hóa Nhật báo* số 1.384 ngày 11-3-1926.

34. Phạm Quỳnh (1918), “Một tháng ở Nam kỳ” trong *Nam Phong tạp chí* số 17 tháng 11-1918.

35. Phạm Quỳnh, (1919), “Một tháng ở Nam Kỳ” *Nam Phong tạp chí*, số 20 tháng 2-1919.

36. “Thế lực người trung Hoa ở Trung kỳ”, *Thực nghiệp dân báo* ngày 3/5/1922

37. Thế lực người Trung Hoa ở Nam kỳ và Bắc kỳ khác nhau thế nào?”, *Thực nghiệp dân báo* ngày 4-12-1920.

38. “Thơ Chê gởi Mộng Huê Lầu”, *Lục tỉnh Tân văn*, ngày 20-8-1919.

39. *Thời Báo* ngày 22-8-1919.

40. “Việc đề chế đồ hàng Khách” *Nam Phong tạp chí* số 27 tháng 9-1919.

38. “Việt Nam đoàn thể hội”, *Công Luận báo*, ngày 9-9-1919.

39. Phạm Xanh, Nguyễn Thị Dị Hương (2008), “Hội Bắc kỳ công thương đồng nghiệp và *Hữu Thanh tạp chí* với vấn đề bảo vệ quyền lợi của giới tư sản Việt Nam”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1.

40. Các tờ báo đều được lưu trữ tại Thư Viện quốc gia Việt Nam.